

phải trả một khoản tiền chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu, cách tính chung theo quy định dưới đây.

Điều 23. Đối tượng phải trả tiền chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu

1. Miễn tiền chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu đối với các Công ty/Đơn vị sau đây:

a. Đơn vị trực thuộc TKV;

b. Công ty do TKV nắm giữ 100% vốn điều lệ;

c. Đơn vị sự nghiệp thành viên của TKV;

d. Công ty TNHH 02 thành viên, trong đó TKV góp 50% vốn điều lệ, đồng thời TKV và thành viên còn lại của Công ty đều đồng ý cho Công ty sử dụng nhãn hiệu của mỗi bên để cùng đặt tên doanh nghiệp và hưởng lợi trên những giá trị thương hiệu đó;

e. Doanh nghiệp do TKV góp vốn bằng giá trị thương hiệu.

2. Các công ty/Đơn vị không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này phải trả cho TKV tiền chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu khi sử dụng Nhãn hiệu của TKV. Phương thức và mức tiền chuyển nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu được quy định tại Điều 24 Quy chế này.

Điều 24. Phương thức và Mức thu tiền chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu

TKV sẽ lựa chọn và áp dụng một trong các phương thức và mức thu tiền chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu như sau:

1. Đối với các Công ty/Đơn vị mới thành lập (đang trong giai đoạn đầu tư, chuẩn bị sản xuất), chưa phát sinh tổng doanh thu, lợi nhuận (doanh thu, lợi nhuận từ các hoạt động sản xuất kinh doanh chính, sản phẩm chính và các hoạt động khác) sẽ áp dụng mức thu hàng năm như sau:

a. Đối với công ty cổ phần là công ty con của TKV: Miễn thu tiền sử dụng Nhãn hiệu trong thời gian Công ty/Đơn vị chưa phát sinh doanh thu, lợi nhuận;

b. Đối với Công ty/Đơn vị không là công ty con của TKV:

(i) Mức thu bằng 0,1% trên tổng vốn điều lệ của Công ty/Đơn vị đối với những Công ty/Đơn vị mà TKV nắm giữ cổ phần, vốn góp trên 30% đến 50% vốn điều lệ;

(ii) Mức thu bằng 0,2% trên tổng vốn điều lệ của Công ty/Đơn vị đối với những Công ty/Đơn vị do TKV nắm giữ cổ phần, vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở xuống;

(iii) Mức thu bằng 0,3% trên tổng vốn điều lệ của Công ty/Đơn vị đối với những đơn vị không có cổ phần, vốn góp của TKV.

2. Đối với các Công ty/Đơn vị đã có doanh thu, lợi nhuận:

a. Đối với công ty cổ phần là công ty con của TKV:

(i) Mức thu bằng 0,3% trên tổng doanh thu hàng năm đối với Công ty/Đơn vị sản xuất than, khoáng sản, vật liệu nổ công nghiệp, điện;

(ii) Mức thu bằng 0,5% giá trị sản xuất đối với Công ty/Đơn vị hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ thương mại và các lĩnh vực khác;

(iii) Mức thu bằng 0,2% trên giá trị sản xuất đối với Công ty/Đơn vị thuộc lĩnh vực cơ khí, vật liệu xây dựng.

b. Các Công ty/Đơn vị không là công ty con của TKV:

(i) Mức thu bằng 01% trên tổng doanh thu hàng năm đối với Công ty/Đơn vị sản xuất than, khoáng sản, vật liệu nổ công nghiệp, điện;

(ii) Mức thu bằng 01% giá trị sản xuất của Công ty/Đơn vị hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ thương mại, cơ khí, vật liệu xây dựng và các lĩnh vực khác.

3. Tổng doanh thu của Công ty/Đơn vị sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN và/hoặc Nhãn hiệu TKV để tính tiền chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu là doanh thu của Công ty/Đơn vị quyết toán cho năm tài chính liền kề trước đó.

a. Đối với Công ty/Đơn vị có mô hình một cấp: Doanh thu tính tiền chuyển quyền sử dụng là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ;

b. Đối với Công ty/Đơn vị có mô hình hai cấp quản lý: Doanh thu tính tiền chuyển quyền sử dụng là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty mẹ.

Điều 25. Hình thức trả và Thời hạn nộp tiền chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu

1. Tiền chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu, các loại thuế và lệ phí khác liên quan đến Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu phải được thanh toán bằng tiền đồng Việt Nam và chuyển vào tài khoản của TKV theo như được chỉ định trong mỗi Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu hoặc các tài khoản khác theo yêu cầu của TKV tại từng thời điểm hoặc bằng hình thức bù trừ công nợ theo quy định hiện hành của TKV nếu đủ điều kiện.

2. Tiền chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu phải được thanh toán một lần hoặc nhiều lần trong một năm tùy theo thoả thuận của các bên trong từng Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu.

CHƯƠNG VI

CHẤM DỨT QUYỀN SỬ DỤNG NHÃN HIỆU VÀ XỬ LÝ VI PHẠM TRONG VIỆC SỬ DỤNG NHÃN HIỆU

Điều 26. Chấm dứt quyền sử dụng Nhãn hiệu

1. Quyền sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV có thể chấm dứt trong các trường hợp sau:

a. Hết thời hạn sử dụng Nhãn hiệu theo quy định tại Quy chế này, Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu mà không được TKV gia hạn;

b. TKV thu hồi lại quyền sử dụng Nhãn hiệu theo Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan;

c. Các bên thoả thuận chấm dứt thời hạn sử dụng Nhãn hiệu trước thời hạn quy định trong Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu;

d. Một trong các bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu;

e. Công ty/Đơn vị được chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật hoặc TKV bị giải thể hoặc phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

f. Công ty/Đơn vị tiến hành chuyển đổi doanh nghiệp, cổ phần hoá, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc tổ chức lại dẫn đến chấm dứt tư cách pháp lý của pháp nhân hiện tại để hình thành pháp nhân mới.

Khi tiến hành các hoạt động chuyển đổi doanh nghiệp, cổ phần hoá, chia tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc tổ chức lại doanh nghiệp các Công ty/Đơn vị không được phép sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV để định giá và không được phép coi Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV là một phần tài sản của Công ty/Đơn vị mình.

Các Công ty/Đơn vị sau khi tiến hành chuyển đổi doanh nghiệp, cổ phần hoá, chia tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc tổ chức lại doanh nghiệp nếu có nhu cầu sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV thì phải thực hiện việc xin phép sử dụng nhãn hiệu với TKV. Hội đồng thành viên TKV sẽ có quyền phê duyệt chủ trương cho phép hoặc không cho phép các Công ty/Đơn vị đó sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV.

2. Sau khi chấm dứt quyền sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV, các Công ty/Đơn vị không được phép sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV trong mọi hoạt động của doanh nghiệp mình. Việc tiếp tục sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV trong trường hợp này bị coi là sử dụng trái phép. Mọi hành vi trái phép sẽ bị xử lý theo các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 27. Các hành vi được coi là vi phạm trong sử dụng Nhãn hiệu

1. Tự ý sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV khi chưa được phép của TKV.

2. Sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV không đúng mục đích, không phù hợp với nội dung đăng ký kinh doanh và với danh mục sản phẩm, dịch vụ đã đăng ký của Nhãn hiệu.

3. Sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV cho những sản phẩm, dịch vụ không đảm bảo chất lượng, làm ảnh hưởng tới uy tín thương hiệu của TKV trên thị trường hoặc ảnh hưởng tới các Công ty/Đơn vị khác đang sử dụng Nhãn hiệu.

4. Tự ý chuyển nhượng quyền sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV cho bên thứ ba dưới bất kỳ hình thức nào.

5. Sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV trong các giao dịch, hoạt động kinh doanh trái pháp luật và trái các quy định của TKV.

6. Không thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại các Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu và Quy chế này.

7. Không cung cấp hoặc cung cấp không trung thực các thông tin về hoạt động của doanh nghiệp mình khi có yêu cầu.

8. Tiến hành các hoạt động kinh doanh có tính chất không lành mạnh gây tổn hại về vật chất, uy tín của TKV và các Công ty/Đơn vị.

9. Các hành vi vi phạm pháp luật khác.

Điều 28. Xử lý vi phạm trong sử dụng Nhãn hiệu

Các Công ty/Đơn vị khi có hành vi vi phạm trong việc sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV sẽ bị xử lý như sau:

1. TKV sẽ gửi văn bản nhắc nhở Công ty/Đơn vị có hành vi vi phạm. Khi nhận được văn bản nhắc nhở, Công ty/Đơn vị vi phạm có trách nhiệm sửa chữa và khắc phục ngay trong thời gian do TKV quy định và gửi báo cáo về TKV.

2. Trong trường hợp, Công ty/Đơn vị vi phạm đã được TKV nhắc nhở nhưng không khắc phục, sửa chữa vi phạm gây ảnh hưởng tới uy tín của TKV, TKV sẽ áp dụng các biện pháp sau:

a. TKV ra thông báo để chấm dứt quyền sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV của Công ty/Đơn vị đó;

b. Đơn phương chấm dứt trước thời hạn Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu đã ký đối với Công ty/Đơn vị vi phạm mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào;

c. Yêu cầu Công ty/Đơn vị vi phạm đền bù thiệt hại về vật chất theo thỏa thuận trong Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu và quy định của pháp luật nếu hành vi vi phạm gây những tổn thất vật chất hoặc uy tín thương hiệu của TKV;

d. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Tổ chức thực hiện

1. Tổng giám đốc, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban và Các đơn vị trực thuộc TKV; các công ty con; các công ty liên kết; công ty tự nguyện liên kết; công ty liên doanh giữa TKV và đối tác trong đó các bên liên doanh đều đồng ý cho công ty sử dụng nhãn hiệu của mình để cùng đặt tên doanh nghiệp, tên sản phẩm hoặc trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty; công ty có nhu cầu sử dụng Nhãn hiệu của TKV có trách nhiệm thi hành các quy định trong Quy chế này.

2. Ban Thanh tra - Pháp chế:

a. Chủ trì xây dựng các quy định về quản lý Nhãn hiệu;

b. Chủ trì theo dõi, đăng ký bảo hộ Nhãn hiệu của TKV;

c. Chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Nhân sự, Ban Kế toán - Tài chính tham mưu cho lãnh đạo TKV trong việc quyết định cho phép sử dụng hoặc ký Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu;

d. Chủ trì thẩm tra, ký kết, theo dõi thực hiện các Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu để đặt tên doanh nghiệp và trong các hoạt động kinh doanh khác;

e. Làm đầu mối thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc sử dụng Nhãn hiệu và báo cáo lãnh đạo TKV việc khai thác sử dụng, phát triển, bảo hộ Nhãn hiệu của TKV;

f. Tham mưu cho lãnh đạo TKV và chủ trì việc khiếu nại hoặc khởi kiện trước các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm sử dụng Nhãn hiệu của TKV.

3. Ban Tổ chức Nhân sự chịu trách nhiệm phối hợp với các Ban liên quan tham mưu cho lãnh đạo TKV trong việc quyết định cho phép sử dụng hoặc ký Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu, thời hạn sử dụng Nhãn hiệu của TKV cho từng Công ty/Đơn vị.

4. Ban Khoa học, Công nghệ thông tin và Chiến lược phát triển chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Nhân sự, Ban Thanh tra - Pháp chế và các ban kỹ thuật liên quan đến sản phẩm, dịch vụ được đề nghị được sử dụng Nhãn hiệu tham mưu giúp Tổng giám đốc thẩm định chất lượng sản phẩm, dịch vụ của các Công ty/Đơn vị để thực hiện việc ký kết, theo dõi thực hiện Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu gắn vào sản phẩm, dịch vụ đó.

5. Ban Kế toán - Tài chính chủ trì, chịu trách nhiệm:

a. Xác định mức thu tiền chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu của các Công ty/Đơn vị;

b. Tính toán, thu và hạch toán tiền chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu của các Công ty/Đơn vị theo đúng các quy định của Tập đoàn và pháp luật hiện hành có liên quan;

c. Các vấn đề khác liên quan đến tiền chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu và định giá Nhãn hiệu;

d. Phối hợp với các Ban liên quan tham mưu cho lãnh đạo TKV trong việc quyết định cho phép sử dụng hoặc ký Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu.

6. Văn phòng TKV có trách nhiệm:

a. Chủ trì, phối hợp với Ban Thanh tra - Pháp chế tuyên truyền, quảng bá hình ảnh Nhãn hiệu;

b. Theo dõi, kiểm tra việc sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV trên các phương tiện truyền thông và ở các nơi tổ chức sự kiện để kịp thời phát hiện những công ty/đơn vị/tổ chức/cá nhân sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV trái với các quy định của Quy chế này, báo cáo lãnh đạo TKV để có biện pháp xử lý kịp thời.

7. Các Công ty/Đơn vị sử dụng Nhãn hiệu có trách nhiệm lập báo cáo sử dụng Nhãn hiệu gửi về TKV (Ban Thanh tra - Pháp chế), trước ngày 01/12 hàng năm, nội dung báo cáo bao gồm:

a. Tình hình sản xuất, kinh doanh của Công ty/Đơn vị;

b. Việc sử dụng Nhãn hiệu tại Công ty/Đơn vị;

c. Kế hoạch sử dụng Nhãn hiệu tại Công ty/Đơn vị;

d. Kiến nghị đối với công tác xây dựng, bảo hộ và phát triển Nhãn hiệu của TKV.

Điều 30. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký quyết định ban hành.

Quy chế này thay thế cho Quy định về sử dụng nhãn hiệu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 2141/QĐ-HĐTV ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Quy chế sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về sử dụng nhãn hiệu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 2141/QĐ-HĐTV ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1761/QĐ-HĐTV ngày 04 tháng 9 năm 2015 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Điều 31. Các điều khoản khác

Quy chế này gồm 07 chương, 31 điều và 01 Phụ lục. Phụ lục là phần không tách rời khỏi Quy chế này.

Quy chế này có thể bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với từng thời kỳ và chiến lược phát triển của TKV. *ff*

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



Chun

CHỦ TỊCH HĐQT

PHỤ LỤC I
MẪU HỢP ĐỒNG CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG NHÃN HIỆU

HỢP ĐỒNG CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG NHÃN HIỆU

(Số:...../TKV)

Hợp đồng Chuyển quyền Sử dụng Nhãn hiệu (“Hợp đồng”) này được lập và ký kết tại Hà Nội vào ngày....tháng....năm....., bởi và giữa:

Bên A: TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: 226 Lê Duẩn - Phường Trung Phụng - Quận Đống Đa - T.P Hà Nội

Điện thoại:

Fax:

Đại diện: Ông....., Chức vụ: Tổng giám đốc

(Sau đây gọi tắt là “Bên A”)

và

Bên B:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Đại diện: Ông....., Chức vụ:

(Sau đây gọi tắt là “Bên B”)

XÉT RẰNG:

- Bên A là chủ sở hữu nhãn hiệu VINACOMIN đã được pháp luật công nhận và bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 151763 theo Quyết định số 16382/QĐ-SHTT của Cục Sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam cấp ngày 9/9/2010, Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 214958 theo Quyết định số 62854/QĐ-SHTT do Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam cấp ngày 11/11/2013; Nhãn hiệu TKV đã được pháp luật công nhận và bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 185247 theo Quyết định số 25778/QĐ-SHTT do Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam cấp ngày 21/5/2012 và Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 266187 theo Quyết định số 45213/QĐ-SHTT do Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam cấp ngày 25/7/2016 để xin bảo hộ cho các sản phẩm, dịch vụ như được mô tả tại Phụ lục {A} kèm theo Hợp đồng này đồng thời TKV cũng chính là tên viết tắt của Bên A theo nội

dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700100256 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp,

- Bên B mong muốn nhận quyền sử dụng và khai thác Nhãn hiệu VINACOMIN và Nhãn hiệu TKV từ Bên A, và Bên A đồng ý cấp cho Bên B quyền sử dụng không độc quyền Nhãn hiệu VINACOMIN và Nhãn hiệu TKV cho các sản phẩm, dịch vụ như được mô tả tại Phụ lục {B} kèm theo Hợp đồng này và nằm trong phạm vi được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 151763, Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu sốcủa Bên A. Do đó, các bên cùng nhau thống nhất thoả thuận và ký kết Hợp đồng này với những điều khoản cụ thể sau:

Điều 1: Đối tượng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu:

Đối tượng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu theo Hợp đồng là quyền sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN và Nhãn hiệu TKV đã được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 151763 và Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số.....

Điều 2: Phạm vi chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV

2.1 Bên A tại Hợp đồng này cấp cho Bên B quyền không độc quyền, không được chuyển quyền thứ cấp để sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV đã được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 151763 và Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số trong suốt thời hạn của Hợp đồng này và nằm trong phạm vi được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 151763....., Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số của Bên A.

2.2 Bên B được phép sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV dưới các hình thức sau (tùy vào việc chấp thuận của HĐTV TKV sẽ lựa chọn một trong hai mục a hoặc b hoặc cả hai mục a và b):

a. Gắn tên “VINACOMIN” hoặc “TKV” vào tên các sản phẩm, dịch vụ trong các hoạt động sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ như được mô tả tại Phụ lục {B} của Hợp đồng này; và

b. Gắn tên “VINACOMIN” hoặc “TKV” vào tên doanh nghiệp của Bên B và trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Bên B...

2.3 Lãnh thổ sử dụng:

Trong phạm vi của Hợp đồng này, trước tiên Bên B sẽ được phép sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV trong phạm vi lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trong trường hợp Nhãn hiệu VINACOMIN hoặc Nhãn hiệu TKV được bảo hộ tại các quốc gia khác nhau, Bên A có thể sẽ cấp quyền sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV tại quốc gia được bảo hộ đó cho Bên B và việc cấp này sẽ được thể hiện dưới dạng một Phụ lục của Hợp đồng này hoặc dưới dạng một Hợp đồng mới.

Điều 3: Hình thức chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu

Việc chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu theo Hợp đồng này là loại chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu không độc quyền, không được chuyển quyền thứ cấp. Các bên đồng ý rằng mặc dù Bên A bằng Hợp đồng này có cho phép Bên B sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV nhưng Bên A vẫn có quyền sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV để ký kết các hợp đồng sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV dưới dạng một hợp đồng không độc quyền đối với bất kỳ bên thứ ba nào khác; và Bên B không được chuyển quyền thứ cấp Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV cho bất kỳ bên thứ ba nào khác mà không nhận được sự đồng ý trước bằng văn bản từ Bên A.

Điều 4. Quyền sở hữu Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV

Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV nằm trong giá trị tổng thể “thương hiệu của TKV”, là tài sản vô hình thuộc sở hữu độc quyền của Bên A đã được pháp luật công nhận và bảo hộ. Bên A là chủ sở hữu duy nhất của Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV và việc ký kết Hợp đồng này chỉ là một sự cho phép và tạo điều kiện cho Bên B sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV gắn vào [tên sản phẩm, dịch vụ và/hoặc tên doanh nghiệp] để phát triển các hoạt động sản xuất và kinh doanh của mình. Bên B không phải là chủ sở hữu của Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV.

Điều 5. Tiền chuyển quyền

(Tuỳ thuộc vào việc các Công ty/Đơn vị ký Hợp đồng này có thuộc đối tượng nộp tiền chuyển quyền để lựa chọn các phương án tính tiền chuyển quyền được quy định tại Quy chế sử dụng nhãn hiệu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam)

Điều 6. Thanh toán, Thuế, phí, lệ phí

6.1. Thanh toán: (Do thỏa thuận của các bên)

6.2. Thuế, phí, lệ phí

(Tuỳ thuộc vào việc Công ty/Đơn vị ký Hợp đồng này thuộc đối tượng nào để áp dụng các quy định tại Quy chế sử dụng nhãn hiệu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam)

Điều 7. Thời hạn và Hiệu lực của Hợp đồng

7.1 Thời hạn của Hợp đồng

(Tuỳ thuộc vào việc Công ty/Đơn vị ký Hợp đồng này thuộc đối tượng nào để áp dụng các quy định tại Quy chế sử dụng nhãn hiệu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam)

7.2 Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này sẽ có hiệu lực đối với hai bên kể từ ngày ký và có hiệu lực đối với bên thứ ba kể từ ngày được Cục Sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu và sẽ duy trì hiệu lực cho đến thời điểm hết hạn của thời hạn hợp đồng nêu tại Khoản 1 của Điều này.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

8.1 Bên A sẽ đảm bảo cho Bên B sử dụng liên tục Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV trong suốt thời hạn mà Hợp đồng này có hiệu lực.

8.2 Bên A có nghĩa vụ cung cấp cho Bên B: bản sao có công chứng/chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký Nhãn hiệu VINACOMIN và Giấy chứng nhận đăng ký Nhãn hiệu TKV; 01 bản “copsy” Quy chế sử dụng nhãn hiệu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

8.3 Quản lý, kiểm tra, giám sát Bên B trong việc sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV; phổ biến, giáo dục, tuyên truyền, hỗ trợ về mặt pháp lý để Bên B hiểu và sử dụng đúng mục đích, hiệu quả Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV trong các hoạt động của mình.

8.4 Thu hồi việc cho phép sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV hoặc chấm dứt trước thời hạn Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu nếu phát hiện việc sử dụng trái phép, trái pháp luật, không đúng mục đích Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV trong các giao dịch, sản phẩm, các hoạt động đối ngoại, sản xuất, kinh doanh và các hoạt động khác.

8.5 Các quyền khác theo các quy định của Quy chế sử dụng nhãn hiệu Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam và pháp luật có liên quan.

8.6 Bên A có quyền yêu cầu Bên B thực hiện nghiêm túc các quy định, quy chế, chỉ thị của Bên A để đảm bảo thống nhất các kế hoạch phát triển chung của Bên A.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

9.1 Bên B được quyền sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV trong phạm vi, thời hạn và các điều khoản ký kết trong bản Hợp đồng này.

9.2 Bên B cam kết tuân thủ mọi điều khoản quy định tại Quy chế sử dụng nhãn hiệu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam của Bên A.

9.3 Bên B phải sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV đúng mục đích và các quy định của Quy chế sử dụng nhãn hiệu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam của Bên A.

9.4 Bên B không được ký kết hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV với một bên thứ ba nào khác.

9.5 Bên B có nghĩa vụ thanh toán tiền chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu cho Bên A đầy đủ và đúng hạn (nếu thuộc trường hợp phải nộp tiền chuyển quyền).

9.6 Khi Bên B phát hiện có bên thứ ba nào khác có hành vi xâm phạm Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV, Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về hành vi đó và cùng Bên A tiến hành các biện pháp xử lý để ngăn chặn những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích của các bên trong việc sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV.

9.7 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Quy chế sử dụng nhãn hiệu Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung, chấm dứt Hợp đồng:

10.1. Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng:

Mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng phải được thực hiện bằng văn bản được ký kết bởi các bên.

10.2. Hợp đồng này sẽ chấm dứt khi:

a. Hết thời hạn hợp đồng mà hai bên không tiến hành việc gia hạn hợp đồng.

b. Do sự thoả thuận của các bên.

c. Xảy ra sự kiện bất khả kháng và một trong hai bên không thực hiện được quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng.

d. Một trong hai bên tuyên bố phá sản; chuyển đổi, cổ phần hoá, sáp nhập hay chia tách, hợp nhất doanh nghiệp dẫn đến chấm dứt tư cách pháp lý của pháp nhân hiện tại để hình thành pháp nhân mới.

e. Các trường hợp khác theo các quy định của pháp luật hoặc theo Quy chế về sử dụng nhãn hiệu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

10.3. Đơn phương chấm dứt Hợp đồng:

a. Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Phát hiện thấy Bên B sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV sai mục đích quy định trong Hợp đồng này và Quy chế về sử dụng nhãn hiệu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

- Bên B không thanh toán tiền chuyển quyền nhãn hiệu cho Bên A theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng.

- Bên B có hành vi vi phạm các cam kết trong Hợp đồng này và Quy chế về sử dụng nhãn hiệu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

- Do ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng.

b. Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Bên A không thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này.

- Do ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng.

c. Trong trường hợp một trong các bên muốn đơn phương chấm dứt Hợp đồng này trước thời hạn quy định của Hợp đồng thì bên đó phải gửi thông báo về việc đơn phương chấm dứt Hợp đồng cho bên còn lại trước thời điểm chấm dứt hợp đồng 30 ngày.

Điều 11. Xử lý vi phạm trong sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV:

11.1 Khi Bên B có hành vi vi phạm trong việc sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV, Bên B sẽ bị xử lý những hình thức theo quy định tại Quy chế về sử dụng nhãn hiệu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

11.2 Các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 12. Sự kiện bất khả kháng:

12.1 Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hoả hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh và các thảm hoạ khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền.

12.2 Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

cần a. Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

vòng b. Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

12.3 Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, trong thời gian thực hiện hợp đồng, sau 6 tháng sự kiện bất khả kháng vẫn không được khắc phục thì hai bên có thể chấm dứt hợp đồng.

12.4 Sau thời hạn 60 ngày kể từ ngày sự kiện bất khả kháng chấm dứt, bên bị xảy ra trường hợp bất khả kháng không thực hiện hợp đồng thì bên kia có quyền huỷ bỏ hợp đồng.

Điều 13. Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp:

Hợp đồng này được xác lập và điều chỉnh theo pháp luật Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Mọi tranh chấp từ hoặc phát sinh liên quan tới việc ký kết Hợp đồng này sẽ được giải quyết thông qua thương lượng và hoà giải. Trong trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng, hoà giải thì các bên có quyền yêu cầu Toà án cấp có thẩm quyền giải quyết theo các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Hợp đồng này được ký kết bởi đại diện hợp pháp của các bên và các bên theo đây có đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Hợp đồng này trong việc sử dụng Nhãn hiệu VINACOMIN, Nhãn hiệu TKV.

Hợp đồng này được lập thành 08 bản, có giá trị pháp lý ngang nhau. Bên A giữ 01 bản chính có Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu do Cục Sở hữu trí tuệ cấp và 02 bản chính được ký bởi đại diện có thẩm quyền của các bên; Bên B giữ 01 bản sao y Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu do Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam cấp và 03 bản chính được ký bởi đại diện có thẩm quyền của các bên; (...) bản được lưu giữ tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vấn đề này.

BÊN A

BÊN B